TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 24 – 9 – 2025.
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về Nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Võ Thị Mai.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Xuân Thắng và bà Nguyễn Thị Tuyết .

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, v*ề việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16a/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Buôn V, xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là buôn V, xã C, huyện E) – vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Ông Quách Ngọc T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Buôn V, xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là buôn V, xã C, huyện E) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà** Nguyễn Thị H **trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông Quách Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 12/01/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E (nay là UBND xã E) và đã được cấp giấy đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về công việc làm ăn, về kinh tế và ông T thường hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Do đó, bà H xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà H khởi kiện xin được ly hôn với ông Quách Ngọc T.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà H và ông T có 02 con chung là Quách Ngọc Đ, sinh ngày 25/10/2013 và Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020. Nguyện vọng của bà H xin được nuôi con chung là Quách Ngọc Đ, sinh ngày 25/10/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi; còn cháu Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020 giao cho ông Quách Ngọc T nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2025 ông Quách Ngọc T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân thì ông T và bà Nguyễn Thị H chung sống, đăng ký tại UBND xã C vào ngày 12/11/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2024 thì vợ chồng lục đục, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay bà H làm đơn xin ly hôn thì ông T đồng ý; về con chung ông T và bà H đã thỏa thuận ông T nuôi dưỡng cháu Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020 và cháu Quách Ngọc Đ, sinh ngày 25/10/2013 bà H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu

đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Quách Ngọc T, nhưng tại các phiên họp và các phiên hòa giải ông T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Quách Ngọc T; về con chung: giao con chung là Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020 cho ông Quách Ngọc Trung trực T1 nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung là Quách Ngọc Đ, sinh ngày 25/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và công nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí: nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H lập ngày 24/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Căn cứ điểm a,

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân khu vực 7 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tống đạt hợp lệ cho ông Quách Ngọc T: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Quách Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTT DS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật

[2]. Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin ly hôn ông Quách Ngọc T, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Bà Nguyễn Thị H và ông Quách Ngọc T đăng ký kết hôn tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là UBND xã C, huyện E) vào ngày 12/11/2015 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H và ông Quách Ngọc T khai nhận: trong thời gian sống chung ông T và bà H thường xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Do đó, bà H làm đơn khởi kiện được ly hôn với ông Quách Ngọc T; bị đơn ông Quách Ngọc T có văn bản đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị H và ông Quách Ngọc T do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn ông Quách Ngọc T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng xin được nuôi con chung là Quách Ngọc Đ, sinh ngày 25/10/2013 và bị đơn ông Quách Ngọc T có nguyện vọng xin được nuôi con chung là Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của bà H và ông T phù hợp với nguyện vọng của các con chung, Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Quách Ngọc Đ, sinh

ngày 25/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020 cho ông Quách Ngọc T nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ông Quách Ngọc T và bà Nguyễn Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, tuy nhiên ông T và bà H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0001337, ngày 25/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Quách Ngọc T.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Quách Ngọc Đ, sinh ngày 25/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Giao con chung Quách Kiến L, sinh ngày 04/8/2020 cho ông Quách Ngọc T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ông Quách Ngọc T và bà Nguyễn Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, tuy nhiên ông T và bà H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0001337, ngày 25/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND Khu vực 7;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7;
- *Các đương sự;*
-*UBND xã Ô;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

(Đã ký)

Võ Thị Mai